

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 238/2022/DS-ST

Ngày: 21/ 6 /2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Diễm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Mây

2. Ông Võ Văn Tốt

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Lương Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 293/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2020, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 369/2022/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2022; giữa:

*Nguyên đơn:* Bà Trần Thị N, sinh năm: 1964 – có mặt.

Địa chỉ: 221 TS, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh .

*Bị đơn:* Bà Đoàn Ngọc C, sinh năm: 1996 – có mặt;

Địa chỉ: 43B, Tổ D, Khu phố E, Phường H, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 28/4/2020 và trong các bản tự khai, biên bản hòa giải tại Tòa án, nguyên đơn là bà Trần Thị N trình bày:

Bà Trần Thị N (Nguyên đơn) ký Giấy mượn tiền với bà Đoàn Ngọc C (Bị đơn) vào ngày 23/10/2019, số tiền cho vay là : 905.000.000 (Chín trăm lẻ năm triệu)

đồng, thời hạn vay là 04 (Bốn) tháng kể từ ngày ký Giấy mượn tiền này. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Nguyên đơn khởi kiện.

Vì vậy, Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Bị đơn thanh toán số tiền còn nợ gốc là : 905.000.000 (Chín trăm lẻ năm triệu) đồng, nợ lãi là: 54.300.000 (Năm mươi bốn triệu ba trăm ngàn) đồng, theo mức lãi suất là 1%/tháng.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn thanh toán số nợ gốc là : 905.000.000 (Chín trăm lẻ năm triệu) đồng, nợ lãi chậm thanh toán từ ngày 24/02/2020 đến ngày xét xử là ngày 21/6 /2022 theo lãi suất 0,8%/tháng là: 202.237.000 (Hai trăm lẻ hai triệu hai trăm ba mươi bảy ngàn) đồng. Tổng cộng nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày xét xử phải trả là: 1.107.237.000 (Một tỷ một trăm lẻ bảy triệu hai trăm ba mươi bảy ngàn) đồng. Việc thanh toán nợ được thực hiện 01 lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Đối với yêu cầu của Bị đơn đối với Nguyên đơn trả lại cho Bị đơn các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (bản chính) thì Nguyên đơn xác định việc này không liên quan đến khoản vay mà Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tại phiên tòa hôm nay.

Theo các biên bản hòa giải và bản tự khai của bà Đoàn Ngọc C (Bị đơn) tại Tòa án đã trình bày:

Bị đơn xác nhận ngày 23/10/2019 đã vay số tiền là: 905.000.000 (Chín trăm lẻ năm triệu) đồng, thời hạn vay là 04 (Bốn) tháng kể từ ngày ký Giấy mượn tiền này với Nguyên đơn (Bà Trần Thị N) là đúng sự thật. Bị đơn đồng ý trả số tiền đã vay này cho Nguyên đơn trong vòng 02 tháng, kể từ ngày 20/6/2020; đồng thời Nguyên đơn trả lại cho Bị đơn các giấy chứng nhận (bản chính): Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ : CS00888 ngày 25/6/2018 của Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cho bà Đoàn Ngọc C đứng tên và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ : CS01327 ngày 03/6/2019 của Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cho bà Đoàn Ngọc C đứng tên; hiện nay, Nguyên đơn đang giữ của Bị đơn. Phần lãi suất thì Bị đơn mong Nguyên đơn giảm do tình hình dịch bệnh cả năm nên gặp khó khăn vì không làm ăn gì được.

Tại phiên tòa, Bị đơn đồng ý trả số tiền đã vay là: 905.000.000 (Chín trăm lẻ năm triệu) đồng cho Nguyên đơn và tiền lãi do chậm thanh toán là: 202.237.000 (Hai trăm lẻ hai triệu hai trăm ba mươi bảy ngàn) đồng, đồng thời Nguyên đơn trả lại cho Bị đơn các giấy chứng nhận (bản chính): Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ : CS00888 ngày 25/6/2018 của Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cho bà Đoàn Ngọc C đứng tên và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ : CS01327 ngày 03/6/2019 của Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cho bà Đoàn Ngọc C đứng tên mà hiện nay Nguyên đơn đang giữ của Bị đơn. Bị đơn không có ý kiến gì về mức lãi suất mà Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải thanh toán.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại Tòa án và không bổ sung thêm ý kiến gì. Ngoài các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án nhân dân Quận 12 thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ các thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tuy thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng không ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc xét xử vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn, Bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Tòa án còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát

biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

*1/ Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Tranh chấp giữa bà Trần Thị N với bà Đoàn Ngọc C là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bà Đoàn Ngọc C đang cư trú, sinh sống tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào các điều 26, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

*2/ Về yêu cầu của đương sự:*

Căn cứ vào lời khai của đương sự; căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được, có đủ cơ sở xác định:

Căn cứ vào Giấy mượn tiền ngày 23/10/2019 và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa có cơ sở xác định bà Đoàn Ngọc C có vay của bà Trần Thị N số tiền là: 905.000.000 (Chín trăm lẻ năm triệu) đồng, thời hạn vay là 04 (Bốn) tháng kể từ ngày ký Giấy mượn tiền là ngày 23/10/2019. Vậy đây là hợp đồng dân sự được giao kết giữa bà Trần Thị N và bà Đoàn Ngọc C được quy định tại Điều 385 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Kể từ ngày nhận tiền vay cho đến thời điểm xét xử, bà Đoàn Ngọc C chưa thanh toán số tiền gốc và lãi đã vay cho bà Trần Thị N; nên bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại các Điều 351;357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn đề nghị tính lãi từ ngày 24/02/2020 đến thời điểm xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất là: 0,8%/tháng cho đến khi Bị đơn trả hết nợ. Căn cứ theo Khoản 2 Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì việc yêu cầu của Nguyên đơn tính lãi suất 0,8%/tháng là có căn cứ và hợp pháp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu của Bị đơn đối với Nguyên đơn trả lại cho Bị đơn các giấy chứng nhận(bản chính): Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ : CS00888 ngày 25/6/2018 của Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cho bà Đoàn Ngọc C đứng tên và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ : CS01327 ngày 03/6/2019 của Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cho bà Đoàn Ngọc C đứng tên mà Bị đơn cho rằng Nguyên đơn hiện đang giữ của Bị đơn thì Bị đơn có thể khởi kiện Nguyên đơn bằng vụ án Dân sự khác theo quy định pháp luật.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 351; Khoản 2 Điều 357; 385; 404; 463; 466; 468 và 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016-UBTVQH14;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn - bà Trần Thị N.

Buộc Bị đơn – bà Đoàn Ngọc C thanh toán cho Nguyên đơn – bà Trần Thị N số tiền nợ gốc là : 905.000.000 (Chín trăm lẻ năm triệu) đồng, nợ lãi do chậm thanh toán từ ngày 24/02/2020 đến ngày 21/6/2022 theo mức lãi suất 0,8%/tháng là: 202.237.000(Hai trăm lẻ hai triệu hai trăm ba mươi bảy ngàn) đồng. Tổng cộng nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày xét xử phải trả là: 1.107.237.000 (Một tỷ một trăm lẻ bảy triệu hai trăm ba mươi bảy ngàn) đồng. Việc thanh toán nợ được thực hiện 01 lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán tại cơ quan thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Đoàn Ngọc C phải chịu nộp là: 45.217.110 (Bốn mươi lăm triệu hai trăm mười bảy ngàn một trăm mười) đồng.

Hoàn trả cho bà Trần Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 20.389.500(Hai mươi triệu ba trăm tám mươi chín ngàn năm trăm) đồng theo biên

lai thu số AA/2019/0108869 ngày 15/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

#### 4. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

#### *Nơi nhận:*

- VKSND Quận 12, Tp.HCM;
- Chi cục THADS Quận 12, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thị Diễm**